

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HSST

Ngày 21 - 02 – 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Bào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Yên và bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký TAND huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2024/TLST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 10/02/2025 đối với bị cáo:

Nông Thị T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1994; Tại: tỉnh Đắk Nông; Nơi thường trú: Thôn 3, xã Đ, huyện C, tỉnh Đ; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn lớp: 12/12; Con ông Nông Văn Đ, sinh năm 1972 và con bà Ma Thị O, sinh năm 1971 (đều đã chết); Có chồng Y, sinh năm 1992 và 02 con (con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023); Tiền án: bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 150/2024/HS-ST ngày 28/6/2024, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án (bị cáo đang hoãn thi hành án); Tiền sự: Không; Hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- **Có mặt tại phiên tòa.**

- Bị hại: Ông Thôi Dũng K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Phú R, tỉnh B- Vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Triệu Bích N, sinh năm 1991- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện C, tỉnh Đ.

2. Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1986- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/8/2024, anh Thôi Dũng K, trú tại: tỉnh B đăng tin cần thu mua bộ cặp trên trang “THU MUA, RẾT, Nhện, Bộ Cặp” bằng tài khoản Facebook của anh Kiện tên “Kiệt Bình Phước”. Quá trình sử dụng mạng xã hội Facebook, Nông Thị T đọc được thông tin trên của anh K nên nảy sinh ý định lừa anh K để chiếm đoạt tiền. Trang lập tài khoản Facebook tên “Quỳnh Như” không có thông tin thật của T (tài khoản ảo) để nhắn tin cho anh K với nội dung có nguồn bộ cặp bán với giá 260.000 đồng/1kg thì anh Kiện đồng ý mua, nhưng thực tế T không có bộ cặp bán. Ngày 22/8/2024, T nhắn tin cho anh K nội dung đã gom được 18kg bộ cặp, thành tổng số tiền là 4.680.000 đồng, T yêu cầu anh K chuyển khoản trước số tiền 2.000.000 đồng, khi nào đóng gói bộ cặp gửi xe ô tô chuyển cho anh K thì chuyển số tiền còn lại, anh K đồng ý. T gửi số tài khoản 3400123162004, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần quân đội (MB) của chị Triệu Bích N (trú tại huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông) để anh K chuyển tiền (chị N làm dịch vụ chuyển, nhận tiền qua tài khoản có thu phí). Do tin tưởng nên anh K đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản trên và gửi ảnh chuyển khoản thành công cho T. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, T đến cửa hàng gặp chị N. Tại đây, T nói lấy 2.000.000 đồng do chồng gửi vào số tài khoản chị N, đồng thời đưa ảnh chuyển khoản thành công cho chị N xem, sau khi kiểm tra thấy tài khoản của mình có nhận số tiền như trên nên chị N đã đưa cho Trang 2.000.000 đồng tiền mặt và lấy phí 10.000 đồng. Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 24/8/2024, T tiếp tục nhắn tin cho anh K nói đã đóng hàng bộ cặp xong và chuẩn bị gửi xe ô tô, yêu cầu anh Kiện chuyển số tiền còn lại là 2.680.000 đồng vào số tài khoản mà Trang đã gửi lúc trước để T gửi Bộ cặp cho anh K. Anh K đồng ý và chuyển số tiền 2.680.000 đồng vào số tài khoản của chị N như lần trước và gửi ảnh chuyển tiền thành công cho T. Khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, T đến cửa hàng gặp chị N để lấy tiền nhưng chị N không có nhà, T gặp anh Nguyễn Văn Kh (chồng chị N), T nói lấy số tiền 2.680.000 đồng do chồng gửi vào số tài khoản chị N và đưa hình ảnh chuyển tiền thành công cho anh Kh xem. Sau khi kiểm tra tài khoản thấy có tiền trong tài khoản như T nói nên anh Kh đã đưa cho Trang 2.680.000 đồng tiền mặt và lấy phí 10.000 đồng. Nhận được tiền, T xóa tài khoản Facebook “Quỳnh Như”, chặn liên lạc với anh K, tổng số tiền 4.680.000 đồng do anh K chuyển, Trang đã tiêu xài cá nhân hết. Do biết bị T lừa đảo nên ngày 01/10/2024 anh K đã trình báo Công an huyện Cư Jút.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T:

- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A04 đã qua sử dụng;
- + Số tiền 4.680.000 đồng, ngày 05/11/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã trả lại số tiền 4.680.000 đồng cho anh Thôi Dũng K.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CTr- VKS ngày 28/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút đã truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa, tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 tháng tù của bản án số 150/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 16 tháng đến 18 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 ĐTDD nhãn hiệu SamSung Galaxy A04, đã qua sử dụng của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Cư Jút đã trả số tiền 4.680.000 đồng cho anh Thôi Dũng K.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường nên không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình sử dụng mạng xã hội Facebook, Nông Thị T đọc được thông tin cần thu mua bộ cặp của anh Thôi Dũng K được đăng bởi tài khoản Facebook của anh K nên T nảy sinh ý định

lừa chiếm đoạt tiền của anh K. T đưa ra thông tin không đúng sự thật bằng cách lập tài khoản Facebook ảo tên “Quỳnh Như” để nhắn tin mua bán bộ cặp với anh K. Sau khi thỏa thuận giá và số lượng bộ cặp bán cho anh K là 4.680.000 đồng. Do tin tưởng nên anh K đã 02 lần chuyển tiền theo yêu cầu của T với tổng số tiền là 4.680.000 đồng, trong đó lần thứ nhất chuyển 2.000.000 đồng vào ngày 22/8/2024 và lần thứ hai chuyển 2.680.000 đồng vào ngày 24/8/2024. Sau khi nhận được tiền, T đã xóa tài khoản Facebook “Quỳnh Như”, chặn liên lạc với anh K.

Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm đề nghị xử lý bị cáo tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ háms lợi và ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy đối với bị cáo cần xử phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Với các nhận định nêu trên đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nông Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:....”.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã hoàn trả số tiền 4.680.000 đồng cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; được người bị hạn bãi nại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nông Thị T đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, bị tuyên 08 tháng tù theo Bản án số 150/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của TAND huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, hiện đang được hoãn thi hành án, chưa được xóa án tích, sau đó bị cáo tiếp tục phạm tội do đó cần áp dụng

tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo T bị TAND huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 150/2024/HS-ST ngày 28/6/2024, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, hiện bị cáo đang được hoãn thi hành án nên bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án này. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 3, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung đã qua sử dụng của bị cáo T, xét thấy bị cáo sử dụng điện thoại này làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 4.680.000 đồng bị cáo T chiếm đoạt của anh K, trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút đã trả cho anh K là đúng quy định nên cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với chị Triệu Bích N, chủ tài khoản số 3400123162004, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần quân đội, chị N không biết số tiền T chiếm đoạt là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nông Thị T 07 (bảy) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 150/2024/HS- ST ngày 28/6/2024 của TAND huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, hiệu Sam Sung đã qua sử dụng của bị cáo Nông Thị T (đặc điểm của vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút).

- Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút trả cho anh Thôi Dũng K số tiền 4.680.000 đồng.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nông Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CQCSĐT huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NÔNG VĂN BÀO